

TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN H  
TỈNH THANH HÓA

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 68/2024/HNGĐ-ST  
Ngày: 27/12/2024  
V/v: Ly hôn, tranh chấp nuôi con  
khi ly hôn.

NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN H - TỈNH THANH HOÁ

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Phạm Bảo Yến.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Đào Duy Chuyên;  
Ông Lê Xuân Thư.

**- Thư ký phiên toà:** Bà Lê Thu Hằng - Thư ký Tòa án nhân dân huyện  
Hoàng Hoá, tỉnh Thanh Hóa.

**- Đại diện VKSND huyện Hoàng Hóa, tỉnh Thanh Hoá tham gia phiên  
toà:** Ông Nguyễn Xuân Hà - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 12 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hoàng Hóa,  
tỉnh Thanh Hoá xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 326/2024/TLST-HNGĐ ngày  
25 tháng 11 năm 2024 về “Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn” theo Quyết  
định đưa vụ án ra xét xử số: 107/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 12/12/2024, giữa  
các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Lò Thị T, sinh năm 1991

Địa chỉ: Bản V, xã Y, huyện L, tỉnh Thanh Hóa. **Vắng mặt, có đơn xin xét  
xử vắng mặt.**

Bị đơn: Anh Tạ Văn Đ, sinh năm 1991.

Địa chỉ: Thôn H, xã H, huyện H, tỉnh Thanh Hóa. **Vắng mặt.**

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án  
nguyên đơn là chị Phạm Thị H1 trình bày:

Chị và anh Tạ Văn Đ kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại  
Ủy ban nhân dân xã Y, huyện L, tỉnh Thanh Hóa theo giấy chứng nhận kết hôn  
số 29 ngày 15 tháng 7 năm 2014. Sau khi cưới chúng tôi chung sống hạnh phúc  
cho đến năm 2021 thì xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng  
quan điểm sống, tình cảm vợ chồng ngày càng rạn nứt. Vợ chồng sống ly thân từ

năm 2023 cho đến nay, không ai quan tâm đến ai. Nay chị xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, tình trạng hôn nhân trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài. Vì vậy, chị đề nghị Tòa án nhân dân huyện Hoằng Hoá xem xét, giải quyết cho chị được ly hôn với anh Tạ Văn Đ.

**Về con chung:** anh chị có 02 con chung là Tạ Duy K, sinh ngày 24/01/2015, Tạ Thị Diệu L, sinh ngày 03/12/2016. Ly hôn, chị đề nghị Toà án giao 02 (hai) cháu cho chị trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và yêu cầu anh Đ cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị là 5.000.000đ (Năm triệu đồng) cho 02 (hai) cháu/tháng.

**Về tài sản chung và công nợ:** Chị không yêu cầu Toà án giải quyết.

\* *Về ý kiến của bị đơn:* Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã triệu tập nhưng bị đơn anh Tạ Văn Đ đều vắng mặt do đó không ghi nhận được ý kiến của anh Đ.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành xác minh tại địa phương như sau:

Theo biên bản làm việc ngày 21 tháng 11 năm 2024 tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện H thể hiện: Anh Tạ Văn Đ và chị Lò Thị T kết hôn năm 2014 tại Ủy ban nhân dân xã Y, huyện L, tỉnh Thanh Hóa. Sau khi kết hôn, anh Tạ Văn Đ và chị Lò Thị T chung sống và làm ăn tại Hà Nội, có đăng ký hộ khẩu thường trú tại thôn H, xã H cùng bố đẻ là ông Tạ Văn S. Thời gian gần đây chị T và anh Đ có về tại địa phương nhưng việc mâu thuẫn giữa anh chị có hay không và nguyên nhân là gì thì địa phương không nắm bắt được cụ thể. Tại thời điểm làm việc, anh Đ không có mặt ở nhà, người thân không ai có mặt để nhận thay văn bản tố tụng nên ông Phạm Văn Đ1 (bí thư Chi bộ thôn H) xác nhận sẽ nhận thay các văn bản tố tụng của Tòa án và cam đoan sẽ giao lại cho anh Đ.

Tại phiên tòa: Chị T có đơn xin xét xử vắng mặt và vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, không bổ sung gì thêm. Anh Đ vắng mặt nên không thể hiện ý kiến tại phiên tòa. Các đương sự không thỏa thuận được về việc giải quyết toàn bộ nội dung vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến: Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký và nguyên đơn đã chấp hành đúng nhưng bị đơn chưa chấp hành đúng, đầy đủ các quy định về quyền, nghĩa vụ đương sự. Về nội dung vụ án: căn cứ Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và Gia đình; khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016, chấp nhận đơn khởi kiện của chị Lò Thị T, cho chị T được ly hôn với anh Tạ Văn Đ. Về con: giao 02 (hai) cháu Tạ Duy K, sinh ngày 24/01/2015, Tạ Thị Diệu L, sinh ngày 03/12/2016 cho chị T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng; Về cấp dưỡng: Anh Đ phải đóng góp

cấp dưỡng nuôi con chung là 5.000.000đ (Năm triệu đồng)/02 cháu/tháng. Về tài sản và công nợ: không yêu cầu tòa án giải quyết nên không xem xét. Về án phí: chị Lò Thị T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, anh Tạ Văn Đ phải chịu án phí cấp dưỡng theo quy định của pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

#### [1] Về tố tụng

[1.1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Chị Lò Thị T yêu cầu ly hôn, giải quyết con chung với anh Tạ Văn Đ nên xác định quan hệ tranh chấp là “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”; anh Tạ Văn Đ có đăng ký hộ khẩu thường trú tại thôn H, xã H, huyện H, tỉnh Thanh Hóa nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Hoằng Hóa, tỉnh Thanh Hóa theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a, khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

#### [1.2] Về sự có mặt, vắng mặt của các đương sự:

Nguyên đơn là chị Lò Thị T có đơn xin xét xử vắng mặt.

Trong quá trình giải quyết vụ án, anh Đ không đến tòa án làm việc; theo chính quyền địa phương cung cấp, anh Đ đi làm ăn xa, thời gian gần đây có về lại địa phương, hiện tại anh Đ vẫn đăng ký hộ khẩu thường trú tại xã H, anh Đ đã được chính quyền thông tin về việc chị T xin ly hôn tuy nhiên anh không đến Tòa án để giải quyết. Chính quyền địa phương đã nhận thay anh Đ các văn bản tố tụng của Tòa án và xác nhận đã thông báo nội dung và giao lại cho anh Đ. Đến nay, dù đã được triệu tập hợp lệ nhưng bị đơn anh Tạ Văn Đ đều vắng mặt tại các buổi làm việc. Tại phiên tòa ngày 24/12/2024, anh Đ vắng mặt không có lý do, mặc dù đã được triệu tập hợp lệ. Tòa án đã hoãn phiên tòa, ấn định thời gian xét xử lại vụ án và tổng đạt Quyết định hoãn phiên tòa tới anh Đ. Tại phiên tòa lần thứ hai, anh Đ vắng mặt không lý do.

Do vậy, Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt chị T và anh Đ theo quy định tại khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

#### [2] Về nội dung:

[2.1] Về hôn nhân: Chị T và anh Đ đăng ký kết hôn theo giấy chứng nhận số 29 quyển số 01/2024 ngày 15 tháng 07 năm 2014 tại Ủy ban nhân dân xã Y, huyện L, tỉnh Thanh Hóa nên đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp theo quy định tại Điều 8 và Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình. Quá trình chung sống theo chị T trình bày thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, vợ chồng chung sống không hạnh phúc nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm sống dẫn đến thường xuyên cãi vã. Từ năm 2023 chị chuyển về sống tại nhà ngoại ở xã Y, huyện L, chị xác

định không còn tình cảm với anh Đ, vợ chồng không thể hàn gắn nên đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn.

Quá trình giải quyết vụ án anh Đ không hợp tác làm việc do đó cũng không thể hiện ý chí nguyện vọng của anh Đ như thế nào, Tòa án đã thông báo cho anh Đ được biết việc chị T làm đơn ly hôn đối với anh, nhưng anh cũng không có ý kiến bằng văn bản gửi cho Tòa án, như vậy cũng có thể xác định anh Đ cũng không quan tâm đến cuộc hôn nhân này của mình, bỏ mặc không có mong muốn để vợ chồng trở về đoàn tụ thông qua công tác hòa giải tại Tòa án. Nay chị T có nguyện vọng ly hôn, thấy rằng, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị T là phù hợp với tình trạng hôn nhân hiện nay. Vì vậy, căn cứ vào vào khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị T đối với anh Đ.

[2.2] Về con chung: Chị T và anh Đ có 02 (hai) con chung là Tạ Duy K, sinh ngày 24/01/2015, Tạ Thị Diệu L, sinh ngày 03 tháng 12 năm 2016. Sau khi ly hôn chị T có nguyện vọng trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cả 02 con chung. Và yêu cầu anh Đ cấp dưỡng nuôi con chung là 5.000.000đ (Năm triệu đồng)/02 cháu/tháng.

Hiện tại 02 (hai) cháu Tạ Duy K và Tạ Thị Diệu L đang ở với mẹ và học tập tại Trường tiểu học Y1, huyện L.

Hội đồng xét xử xét thấy: Nguyện vọng của hai cháu mong muốn được ở với chị T, hơn nữa do anh Đ không đến Tòa án làm việc và cũng không có ý kiến bằng văn bản nên không thể hiện ý chí nguyện vọng về việc ai là người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng các con. Để đảm bảo điều kiện phát triển mọi mặt của con chung, tránh sự xáo trộn về môi trường sinh hoạt, học tập của con chung nên nguyện vọng của chị T được trực tiếp nuôi 02 (hai) con chung là có căn cứ. Do đó áp dụng Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân gia đình, giao 02 (hai) cháu cho chị T được trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp.

Về cấp dưỡng: Chị T yêu cầu anh Đ cấp dưỡng nuôi con chung là 5.000.000đ (năm triệu đồng)/tháng. Xét thấy yêu cầu của chị T về tiền cấp dưỡng nuôi con chung và mức cấp dưỡng là phù hợp với thực tế và theo đúng quy định tại khoản 2 Điều 82 và khoản 1 Điều 116 Luật hôn nhân gia đình nên được chấp nhận.

Trường hợp sau này anh Đ nhận thấy chị T không có đủ điều kiện nuôi con thì có quyền khởi kiện về việc thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn bằng một vụ án khác.

[2.3] Về tài sản, công nợ chung: Chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết, anh Đ không có văn bản ý kiến về tài sản và công nợ chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về án phí: Chị T là nguyên đơn nên phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn, anh Đ phải chịu án phí cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

[4] Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định tại các Điều 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[5] Ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hoàng Hóa, tỉnh Thanh Hóa là phù hợp với quy định pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH**

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 144, Điều 147, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự 2015; Điều 51, 56, 57, 58, 81, 82, 83, 84, khoản 1 Điều 116 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Cho chị Lò Thị T ly hôn anh Tạ Văn Đ.

2. Về nuôi con chung: Giao 02 (hai) cháu Tạ Duy K, sinh ngày 24/01/2015, Tạ Thị Diệu L, sinh ngày 03/12/2016 cho chị T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng; Anh Đ phải đóng góp cấp dưỡng nuôi con chung là 2.500.000đ (Hai triệu năm trăm nghìn đồng)/tháng/cháu kể từ tháng 12/2024 đến khi 02 (hai) cháu đủ tuổi thành niên.

Sau khi ly hôn, cha mẹ vẫn có quyền, nghĩa vụ đối với con chung. Người không trực tiếp nuôi dưỡng con có quyền, nghĩa vụ thăm nom mà không được ai cản trở.

Vì lợi ích của con, khi có yêu cầu của cha hoặc mẹ hoặc của cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con và yêu cầu Tòa án giải quyết về việc cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản, công nợ chung: Hội đồng xét xử không xem xét.

4. Về án phí: Chị Lò Thị T phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được trừ vào 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí sơ thẩm chị T đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án

số 0004016, ngày 21 tháng 10 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hoằng Hóa, tỉnh Thanh Hóa. Chị T đã nộp đủ án phí.

Anh Tạ Văn Đ phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí cấp dưỡng nuôi con.

5. Về quyền kháng cáo: Chị Lò Thị T và anh Tạ Văn Đ có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án, hoặc bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự./

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Thanh Hóa;
- VKSND huyện Hoằng Hóa;
- VKSND tỉnh Thanh Hóa;
- Chi Cục THADS huyện H;
- UBND xã Y, H. L;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**

**Phạm Bảo Yên**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
TỈNH THANH HÓA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

**BIÊN BẢN NGHỊ ÁN**

Vào hồi giờ phút ngày 27 tháng 12 năm 2024;

Tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hoằng Hóa, tỉnh Thanh Hóa.

***Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa:* Bà Phạm Bảo Y.

*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Đào Duy C;

Ông Lê Xuân T1.

Tiến hành nghị án vụ án dân sự thụ lý số 326/2024/TLST-HNGĐ ngày 25 tháng 11 năm 2024 về “Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 108/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 13/12/2024, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Lò Thị T, sinh năm 1991

Địa chỉ: Bản V, xã Y, huyện L, tỉnh Thanh Hóa. **Vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt.**

Bị đơn: Anh Tạ Văn Đ, sinh năm 1991.

Địa chỉ: Thôn H, xã H, huyện H, tỉnh Thanh Hóa. Vắng mặt.

*Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, các quy định của pháp luật.*

**HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẢO LUẬN, BIỂU QUYẾT,  
QUYẾT ĐỊNH CÁC VẤN ĐỀ CỦA VỤ ÁN NHƯ SAU :**

1. Về điều luật: khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 144, Điều 147, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự 2015; Điều 51, 56, 57, 58, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Kết quả biểu quyết: 03/03

2. Về hôn nhân: : Cho chị Lò Thị T ly hôn anh Tạ Văn Đ.

Kết quả biểu quyết: 03/03.

3. Về con chung: Giao 02 (hai) Tạ Duy K, sinh ngày 24/01/2015, Tạ Thị Diệu L, sinh ngày 03/12/2016 cho chị T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng; Anh Đ phải đóng góp cấp dưỡng nuôi con chung là 2.500.000đ (Hai triệu năm trăm nghìn đồng)/tháng/cháu kể từ tháng 12/2024 đến khi 02 (Hai) cháu đủ tuổi thành niên.

Sau khi ly hôn, cha mẹ vẫn có quyền, nghĩa vụ đối với con chung. Người không trực tiếp nuôi dưỡng con có quyền, nghĩa vụ thăm nom mà không được ai cản trở.

Vì lợi ích của con, khi có yêu cầu của cha hoặc mẹ hoặc của cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con và yêu cầu Tòa án giải quyết về việc cấp dưỡng nuôi con.

Kết quả biểu quyết: 03/03.

4. Về tài sản, công nợ chung: Hội đồng xét xử không xem xét.

Kết quả biểu quyết: 03/03.

5. Về án phí: Chị Lò Thị T phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được trừ vào 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí sơ thẩm chị T đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số **0004016, ngày 21 tháng 10 năm 2024** của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hoằng Hóa, tỉnh Thanh Hóa. Chị H1 đã nộp đủ án phí.

Anh Tạ Văn Đ phải chịu 300.000 đồng tiền án phí cấp dưỡng nuôi con

6. Về quyền kháng cáo: Chị Lò Thị T và anh Tạ Văn Đ có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án, hoặc bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Kết quả biểu quyết: 3/3.

Nghị án kết thúc vào hồi.....giờ.....phút, ngày 27 tháng 12 năm 2024.

Biên bản nghị án đã được đọc lại cho tất cả các thành viên Hội đồng xét xử cùng nghe và ký tên dưới đây.

### **HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**

**THÀNH VIÊN HĐXX**

**THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Lê Xuân Thư Đào Duy C**

**Phạm Bảo Y**



